|  |  |
| --- | --- |
| UBND HUYỆN CÁT HẢI  **TRƯỜNG MN HOÀNG CHÂU**  Số: 48/BC-MNHC | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *Cát Hải, ngày 30 tháng 9 năm 2024* |

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

**Năm học 2023-2024**

Căn cứ theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Trường Mầm non Hoàng Châu báo cáo thường niên năm học 2023-2024 cụ thể như sau:

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1. Tên cơ sở giáo dục:** Trường Mầm non Hoàng Châu

**2. Địa chỉ:** Thôn Đình-Xã Hoàng Châu-Huyện Cát Hải-Thành phố Hải Phòng.

**3. Loại hình:** Công lập.

**4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của nhà trường**

***a. Sứ mạng:***

- Nhà trường tổ chức thực hiện việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em từ 24 tháng tuổi đến 05 tuổi theo chương trình giáo dục mầm non do Bộ giáo dục ban hành.

- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định. Công bố công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá em và kiểm định chất lượng giáo dục.

- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của nhà trường trong quản lý hoạt động giáo dục.

- Huy động trẻ em lứa tuổi mầm non đến trường; quản lý trẻ em; tổ chức hoạt động giáo dục hòa nhập cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em khuyết tật; thực hiện phổ cập giáo dục cho trẻ mầm non trong phạm vi được phân công; thực hiện hỗ trợ các cơ sở giáo dục mầm non khác trên địa bàn nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động giáo dục theo phân công của cấp có thẩm quyền.

- Huy động, quản lý và sử dụng các nguồn lực theo quy định của pháp luật; xây dựng cơ sở vật chất đáp ứng yêu giáo dục mầm non.

- Tham mưu với chính quyền, phối hợp với gia đình và tổ chức, cá nhân để thực hiện hoạt động chăm sóc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

- Tổ chức cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ em tham gia các hoạt động phù hợp với cộng đồng.

***b. Tầm nhìn***

- Với các yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non hiện nay, nhà trường luôn xác định giáo dục mầm non chính là nền tảng đầu tiên của một xã hội phát triển trong tương lai. Vì vậy nhà trường luôn khẳng định và phấn đấu không ngừng để nâng cao chất lượng giáo dục. Xác định trường Mầm non đáp ứng mục tiêu giáo dục trong giai đoạn hiện nay và những năm tiếp theo, lập kế hoạch tự đánh giá, duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

***c. Mục tiêu***

- Với nhiệm vụ nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ là nhiệm vụ hàng đầu, nhà trường tiếp tục cải tiến công tác chỉ đạo. Chú trọng nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, tiếp tục bồi dưỡng năng lực, phẩm chất chính trị, chuyên môn cho giáo viên. Xây dựng môi trường giáo dục nhà trường an toàn, thân thiện, tạo điều kiện tốt nhất cho học sinh học tập và vui chơi, rèn luyện thể chất, thực hiện tốt việc gắn kết giữa gia đình-nhà trường và xã hội nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho trẻ một cách hiệu quả và thực chất.

***5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của nhà trường.***

Trường Mầm Non Hoàng Châu chính thức được thành lập tháng 10 năm 1999 theo Quyết định số 560/QĐ-UB ngày 12/10/1999 của Uỷ ban nhân dân huyện Cát Hải-Hải Phòng mang tên “Trường Mầm non xã Hoàng Châu” tại thôn Đình-xã Hoàng Châu-Cát Hải-Hải Phòng. Với một điểm trường khuôn viên trên diện tích 1126m2, cảnh quan môi trường trong sạch, thoáng mát, cơ sở vật chất đồ dùng đồ chơi cơ bản đáp ứng mục tiêu Chương trình giáo dục mầm non vì vậy nhà trường luôn xác định công tác chăm sóc giáo dục trẻ là chăm lo cho những chủ nhân tương lai của đất nước. Trong năm đầu thành lập, trường có 65 trẻ, đội ngũ cán bộ giáo viên thiếu thốn chỉ có 3 cô được phân bổ vào 03 lớp. Trang thiết bị dạy học còn thiếu và chưa đồng bộ. Đến nay, trường Mầm non Hoàng Châu có 04 nhóm lớp với 93 trẻ và 14 cán bộ, giáo viên, nhân viên, khẳng định chất lượng toàn diện về công tác chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục.

**6. Thông tin người đại diện:**

Hoàng Thị Mai - Chức vụ: Hiệu trưởng.

Địa chỉ: Thôn Đình-Xã Hoàng Châu-Huyện Cát Hải-Thành phố Hải Phòng.

Nơi làm việc: Trường Mầm non Hoàng Châu.

Số điện thoại: 0225886835

Địa chỉ thư điện tử: ch.mnhoangchau.vt@haiphong.gov.vn

**7. Tổ chức bộ máy**

***a. Quyết định thành lập trường***

Trường Mầm Non Hoàng Châu chính thức được thành lập tháng 10 năm 1999 theo Quyết định số 560/QĐ-UB ngày 12/10/1999 của Uỷ ban nhân dân huyện Cát Hải-Hải Phòng mang tên “Trường Mầm non xã Hoàng Châu” tại thôn Đình-xã Hoàng Châu-Cát Hải-Hải Phòng.

***b. Quyết định công nhận HĐT có danh sách kèm theo***

- Quyết định số 2093/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 về việc kiện toàn Hội đồng trường nhiệm kỳ 2021-2026.

Danh sách Hội đồng trường nhiệm kỳ 2021-2026

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Chức vụ** | **Đại diện tổ chức** | **Chức danh** |
| 1 | Hoàng Thị Mai | BT chi bộ - HT | Tổ chức đảng, BGH | Chủ tịch HĐT |
| 2 | Hoàng Thị Hoàng Anh | PHT- CTCĐ | Tổ chức công đoàn | Thư ký |
| 3 | Nguyễn Cảnh Chung | PCT UBND xã | Chính quyền địa phương | Thành viên |
| 4 | Lê Thị Nga | TTCM- GV | Tổ chuyên môn | Thành viên |
| 5 | Nguyễn Thị Hiên | TPCM - GV | Tổ chuyên môn | Thành viên |
| 6 | Phạm Thị Hoa | TT tổ VP-Kế toán | Tổ văn phòng | Thành viên |
| 7 | Trương Thị Trang | Phụ huynh lớp 4T | Ban đại diện CMHS | Thành viên |

***c. Quyết định điều động, bổ nhiệm, luân chuyển (HT,PHT) của nhà trường.***

Quyết định số 796/QĐ-UBND ngày 28/6/2022 của Chủ tịch UBND huyện Cát Hải về việc bổ nhiệm giữ chức vụ Hiệu trưởng trường mầm non Hoàng Châu đối với bà Hoàng Thị Mai.

Quyết định số 797/QĐ-UBND ngày 28/6/2022 của Chủ tịch UBND huyện Cát Hải về việc bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng trường mầm non Hoàng Châu đối với bà Hoàng Thị Hoàng Anh.

***d. Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, sơ đồ bộ máy tổ chức của nhà trường.***

Xây dựng phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bảo đảm phù hợp điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, tầm nhìn, sứ mệnh và các giá trị cốt lõi của nhà trường.

Tổ chức thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em từ 24 tháng tuổi đến 06 tuổi theo chương trình giáo dục mầm non do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Chủ động đề xuất nhu cầu, tham gia tuyển dụng cán bộ, giáo viên, nhân viên trong trường công lập; quản lý, sử dụng cán bộ, giáo viên, nhân viên để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định. Công bố công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục.

Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của nhà trường trong quản lý hoạt động giáo dục.

Huy động trẻ em lứa tuổi mầm non đến trường; quản lý trẻ em; tổ chức giáo dục hoà nhập cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em khuyết tật; thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi trong phạm vi được phân công; thực hiện hỗ trợ các cơ sở giáo dục mầm non khác trên địa bàn nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động giáo dục theo phân công của cấp có thẩm quyền.

Huy động, quản lý và sử dụng các nguồn lực theo quy định của pháp luật; xây dựng cơ sở vật chất theo yêu cầu chuẩn hóa, hiện đại hóa.

Tham mưu với chính quyền, phối hợp với gia đình hoặc người chăm sóc trẻ em và tổ chức, cá nhân để thực hiện hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

Tổ chức cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ em tham gia các hoạt động phù hợp trong cộng đồng.

Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

***đ. Quyết định thành lập trường***

Quyết định số 560/QĐ-UB ngày 12/10/1999 của UBND huyện Cát Hải về việc thành lập trường mầm non xã Hoàng Châu.

***e. Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Chức vụ** | **Điện thoại** | **Địa chỉ hòm thư điện tử,** | **Địa chỉ nơi làm việc** |
| 1. | Hoàng Thị Mai | Hiệu trưởng | 0919100650 | hoangthimai.ch@  haiphong.gov.vn | Thôn Đình-Xã Hoàng Châu-Huyện Cát Hải-Thành phố Hải Phòng. |
| 2. | Hoàng Thị Hoàng Anh | P. Hiệu trưởng | 0936704566 | hoanganhmnhc@  gmail.com | Thôn Đình-Xã Hoàng Châu-Huyện Cát Hải-Thành phố Hải Phòng. |

**8. Các văn bản khác của nhà trường:**

**-** Chiến lược phát triển giáo dục của nhà trường, quy chế dân chủ ở cơ sở giáo dục, cácnghị quyết của HĐT, quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính, phát triển đội ngũ nhà giáo CBQL giáo dục, kế hoạch, thông báo tuyển dụng của nhà trường (có văn bản kèm theo).

**II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Tổng số** |  | **Trình độ đào tạo** | | | |  | **Hạng chức danh nghề nghiệp** | | **Chuẩn nghề nghiệp** | | | | **CB,GV**  **NV HT**  **CTBD** |
| **TS** | **Th.s** | **ĐH** | **CĐ** | **TC** | **Dưới TC** | **Hạng III** | **Hạng II** | **Tốt** | **Khá** | **Trung bình** | **Kém** |
|  | **Tổng số GV, CBQL và NV** | 15 | 0 | 0 | 11 | 1 | 1 | 2 | 5 | 5 | 2 | 8 | 0 | 0 | 15 |
| **I** | **Giáo viên** | 8 | 0 | 0 | 8 | 0 | 0 | 0 | 5 | 3 | 2 | 6 | 0 | 0 | 8 |
| 1 | Nhà trẻ | 2 | 0 | 0 | 2 | 0 | 0 | 0 | 2 | 0 | 1 | 1 | 0 | 0 | 2 |
| 2 | Mẫu giáo | 6 | 0 | 0 | 6 | 0 | 0 | 0 | 3 | 3 | 1 | 5 | 0 | 0 | 6 |
| **II** | **Cán bộ quản lý** | 2 | 0 | 0 | 2 | 0 | 0 | 0 | 0 | 2 | 0 | 2 | 0 | 0 | 2 |
| 1 | Hiệu trưởng | 1 | 0 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 | 1 | 0 | 0 | 1 |
| 2 | Phó hiệu trưởng | 1 | 0 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 | 1 | 0 | 0 | 1 |
| **III** | **Nhân viên** | 5 | 0 | 0 | 1 | 1 | 1 | 2 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 5 |
| 1 | Nhân viên văn thư | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2 | Nhân viên kế toán | 1 | 0 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 |
| 3 | Thủ quỹ | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 4 | Nhân viên y tế | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 5 | Nhân viên nấu ăn | 2 | 0 | 0 | 0 | 1 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 2 |
| 6 | Nhân viên khác | 2 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 2 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 2 |

**III. CƠ SỞ VẬT CHẤT**

***a. Diện tích khu đất xây dựng trường, diện tích tối thiểu cho một trẻ em; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định***

- Tổng diện tích xây dựng: 986 m2

- Diện tích bình quân tối thiểu 1 trẻ: 10,6 m2 (thiếu 1,4m2/trẻ theo Thông tư 13/2020 ngày 26/52020 của Bộ GD&ĐT)

***b. Số lượng, hạng mục thuộc các khối phòng hành chính quản trị, khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ em, khối phòng tổ chức ăn, khối phụ trợ, hạ tầng kỹ thuật, đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định.***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Các phòng** | **Năm học 2023-2024** | **Ghi chú** |
| **I** | **Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em** | 4 |  |
|  | Phòng kiên cố | 4 |  |
|  | Phòng bán kiên cố | 0 |  |
|  | Phòng tạm | 0 |  |
| **II** | **Khối phòng hành chính quản trị** | 3 |  |
|  | Phòng kiên cố | 3 |  |
|  | Phòng bán kiên cố | 0 |  |
|  | Phòng tạm | 0 |  |
| **III** | **Khối phòng tổ chức ăn** | 1 |  |
| **IV** | **Các công trình, khối phòng chức năng khác** | 0 |  |
| **Cộng** | | 8 |  |

***c. Số lượng các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Số lượng (ĐVT:bộ)** | **Bình quân** |
| 1 | Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu | 4 | 01 bộ/lớp |
| 2 | Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định | 4 | Đảm bảo |
| 3 | Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện còn thiếu theo quy định | 0 |  |
| 4 | Đồ chơi tự làm | 12 | 03 bộ/lớp |

***d. Số lượng đồ chơi ngoài trời, một số thiết bị và điều kiện phục vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khác***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Số lượng** | **Bình quân** |
| 1 | Tổng số đồ chơi ngoài trời | 4 |  |
| 2 | Một số thiết bị điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng: giường ngủ, chăn chiếu, ca cốc, hệ thống thiết bị khu vực bếp… | Đủ 4 lớp | Đảm bảo |

**IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG**

***a. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá***

Công tác tự đánh giá của nhà trường đã thực hiện đảm bảo đúng quy trình, kế hoạch, thời gian và thu được nhiều kết quả.

- Số lượng và tỷ lệ phần trăm các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2

+ Mức 1:

Số lượng tiêu chí đạt 25/25 tiêu chí, đạt tỉ lệ:100%;

Số lượng tiêu chí không đạt 0/25 tiêu chí

+ Mức 2:

Số lượng tiêu chí đạt 22/25 tiêu chí, đạt tỉ lệ: 88%;

Số lượng tiêu chí không đạt 3/25 tiêu chí, đạt tỷ lệ 12%

- Mức đánh giá của trường: Mức 1

***b. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc giá của nhà trường qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong thời gian 05 năm tiếp theo và hằng năm:*** Không có

**V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC**

**1. Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ năm học 2023-2024**

***a. Tổng số trẻ em; tổng số nhóm, lớp; số trẻ em tính bình quân/nhóm, lớp***

Tổng số 4 lớp với 87 học sinh

- Lớp Nhà trẻ:13 trẻ

- Lớp 3 tuổi: 20 trẻ

- Lớp 4 tuổi: 22 trẻ

- Lớp 5 tuổi: 26 trẻ

***b. Số trẻ học lớp ghép:***

- Không có

***c. Số trẻ học 02 buổi/ngày:***

- 87/87 trẻ học 2 buổi/ngày

***d. Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú:***

- 87/87 trẻ ăn bán trú

***đ. Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng và kiểm tra sức khỏe định kỳ***

- 87/87 trẻ

***e. Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi***

- Được công nhận đạt phổ cập giáo dục hằng năm

***g. Số trẻ khuyết tật***

- Không có

**2. Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện**

- Nhà trường thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo Thông tư 51/2020/TT-BGD ĐT-GDMN ngày 31/12/2020.

**3. Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển**

- Trẻ khỏe mạnh, ngoan ngoãn, thích nghi với chế độ sinh hoạt một ngày của trẻ, có các kỹ năng vận động và khả năng làm các việc tự phục vụ bản thân.

- Trẻ thích tìm hiểu khám phá thế giới xung quanh, một số ban đầu về bản thân và các sự vật hiện tượng gần gũi, quen thuộc.

- Trẻ nghe hiểu lời nói, biết hỏi và trả lời một số câu hỏi bằng lời nói, cử chỉ, biết bày tỏ nhu cầu của bản thân.

- Trẻ biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi.

- Trẻ ham hiểu biết, thích khám phá và có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, chú ý, ghi nhớ có chủ định khi tìm hiểu các sự vật hiện tượng xung quanh, có một số khái niệm sơ đẳng về toán học theo lứa tuổi.

- Trẻ có khả năng nghe, hiểu, biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau như lời nói, cử chỉ, điệu bộ; có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao...một số kỹ năng ban đầu về đọc viết phù hợp với lứa tuổi.

- Trẻ có ý thức về bản thân, biết thể hiện tình cảm, biết tôn trọng, hợp tác, thân thiện và chia sẻ với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh, biết tuân thủ một số quy tắc, quy định trong sinh hoạt ở gia đình, nhà trường.

- Biết thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của các tác phẩm nghệ thuật qua việc năn, xé dán, cắt dán... thể hiện điệu bộ và lồ hát nhịp nhàng qua các tác phẩm âm nhạc, có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp.

**VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH**

**1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo**

***Đơn vị tính: 1.000 đồng***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Chỉ số thống kê** | **Năm 2023** |
| **A** | **TỔNG THU HOẠT ĐỘNG** | **3.055.172** |
| **I** | **Thu hoạt động giáo dục và đào tạo** | **3.055.172** |
| 1 | Ngân sách | 2.535.871 |
| *1.1* | *Ngân sách thường xuyên* | *2.285.551* |
| *1.2* | *Ngân sách không thường xuyên* | *250.320* |
| *2* | Học phí, lệ phí từ người học | 92.577 |
| 3 | Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài | 0 |
| 4 | Thu khác | 426.723 |
| **II** | **Thu khoa học và công nghệ** | 0 |
| 1 | Ngân sách | 0 |
| 2 | Học phí, lệ phí từ người học | 0 |
| 3 | Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài | 0 |
| 4 | Thu khác | 0 |
| **III** | **Thu hoạt động khác** | 0 |
| **B** | **TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG** | **3.004.093** |
| **I** | **Chi lương và các khoản phải nộp theo lương** | **2.035.483** |
| 1 | Chi lương, thu nhập của CBGVNV | 1.812.975 |
| 2 | Chi các khoản đóng góp theo lương | 222.507 |
| **II** | **Chi cơ sở vật chất và dịch vụ** | **920.311** |
| 1 | Chi mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn | 135.681 |
| 2 | Chi sửa chữa duy tu tài sản phục vụ | 140.748 |
| 3 | Chi phí nghiệp vụ chuyên môn | 80.964 |
| 4 | Chi thuê mướn | 53.750 |
| 5 | Thông tin, tuyên truyền | 3.036 |
| 6 | Thanh toán dịch vụ công cộng | 64.077 |
| 7 | Chi khác | 442.055 |
| **III** | **Chi hỗ trợ người học** | **48.298** |
| *1* | Chi miễn giảm học phí | 48.298 |
| *2* | Chi hỗ trợ ăn trưa | 0 |
| *3* | Chi hỗ trợ chi phí học tập | 0 |
| ***IV*** | **Chi khen thưởng** | 0 |

**2. Căn cứ xây dựng khoản thu và mức thu**

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính Phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT, ngày 22/11/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

Căn cứ nghị quyết số 54/2019/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hải phòng về chính sách hỗ trợ học phí cho học sinh từ bậc học mầm non đến trung học phổ thông trên địa bàn thành phố.

Căn cứ Nghị quyết 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng quy định danh mục và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dich vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Hướng dẫn số 86/HDLS-GDĐT-TC ngày 25/01/2024 của Liên sở: Giáo dục và Đào tạo và tài chính về thực hiện thu, cơ chế quản lý thu theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 19/7/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố về quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng năm học 2024 -2025;

Căn cứ Hướng dẫn số 1044/HDLS-GDĐT-TC ngày 19/8/2024 của Liên sở: Giáo dục và Đào tạo và tài chính về việc thực hiện thu và sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng năm học 2024 -2025;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và các quy định hiện hành về chế độ công khai.

Căn cứ Công văn số 2984/UBND-PGD&ĐT ngày 13/9/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Cát Hải – Phòng Giáo dục và đào tạo về việc thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2024-2025;

***2.1 Khoản thu và mức thu năm học 2024-2025***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Khoản thu** | **Đơn vị tính** | **Mức thu năm học 2024-2025** |
| 1 | Tiền ăn (bao gồm cả chất đốt) | đồng/ trẻ/ ngày | 25.000 |
| 2 | Tiền hỗ trợ nhân viên nấu ăn | đồng/hs/tháng | 30.000 |
| 3 | Tiền trông trẻ ngoài giờ hành chính | đồng/ trẻ/ ngày | 9.000 |
| 4 | Tiền trang thiết bị bán trú |  |  |
| 4.1 | HS tuyển mới | đ/hs/năm | 360.000 |
| 4.2 | HS đang học | đ/hs/năm | 200.000 |

**3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.**

Kết quả thực hiện:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Năm | Miễn giảm HP | Hỗ trợ CPHT | Hỗ trợ tiền ăn trưa |
| SL trẻ | Số tiền | SL trẻ | Số tiền | SL trẻ |
|  | 2023 | 88 | 0 | 0 |
|  | 2024 | 93 | 0 | 0 |

**4. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở.**

Nghiêm túc công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước định kỳ quý, 6 tháng đầu năm, 9 tháng đầu năm, công khai ngân sách năm tài chính, công khai dự toán giao đầu năm, công khai quyết toán ngân sách. Nội dung công khai được đăng tải trên trang website của nhà trường và niêm yết ở bảng tin.

Công khai khoản thu và mức thu trên zalo nhóm phụ huynh và hệ thống trang west của trường nắm bắt được nội dung và phối hợp thực hiện.

**VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC**

- 100% trẻ ăn nghỉ tại trường được bảo đảm tuyệt đối an toàn về thể chất và tinh thần và không có hiện tượng ngộ độc thực phẩm xảy ra; Kết quả chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ đạt kết quả tốt.

+ 100% CBGVNV nhà trường đã hết lòng vì công việc, không quản ngại khó khăn, vất vả đã tập trung nhiều thời gian, công sức và trí tuệ để xây dựng trường mầm non Xanh - An toàn - Hạnh phúc.

- Trẻ đến trường mẫu giáo đạt tỷ lệ cao: 100%

\* Kết quả: Tổng số trẻ được cân: Lần 3: 87/87 cháu Đạt 100%.

- Về cân nặng kênh bình thường: 87/87 cháu = 100%; không có trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân

- Về cân nặng kênh bình thường: 86/87 cháu = 98,9%; Suy dinh dưỡng thể thấp còi mức độ vừa 01/87 cháu = 1,1 %.

- Sức khỏe loại I: 97,7%.

- 100% trẻ được chăm sóc và ăn nghỉ tại trường.

- Nhà trẻ đạt 687,05 kcalo/1 ngày/1 trẻ; mẫu giáo đạt 693,01 kcalo/ngày/trẻ; Tỷ lệ cân đối giữa các chất được đảm bảo.

- 98% trẻ có kỹ năng tự phục vụ phù hợp với độ tuổi.

- Giáo viên luôn chủ động, sáng tạo trong tổ chức hoạt động và thực hiện có hiệu quả chương trình GDMN lấy trẻ làm trung tâm theo Thông tư 51/2020/TT-BGDĐT. Tích cực ứng dụng công nghệ thông tin chuyển đổi số vào công tác chăm sóc giáo dục trẻ.

- Trẻ chủ động, mạnh dạn, tự tin trong mọi hoạt động; Chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục trẻ ngày một nâng cao.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị ngày một khang trang và dần đi vào hoàn thiện theo văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/3/2015 thông tư ban hành danh mục ĐDĐC thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non và Thông tư 47/2020/TT-BGDĐT của BGD&ĐT; Môi trường giáo dục xanh- sạch - đẹp của trường, lớp được giữ vững và phát triển.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - PGD&ĐT Cát Hải (B/c)  - Chủ tịch CĐ;  - Các tổ VP, CM;  - Lưu: VT. | **HIỆU TRƯỞNG**  **Hoàng Thị Mai** |